



**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 6022 /CT-CS
V/v chính sách thuế, hóa đơn

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2025

Kính gửi:

- Hiệp hội vận tải Hải Phòng;
(Đ/c số 86 Hoàng Thế Thiện, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng)
- Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam.
(Đ/c Tòa nhà 198 Nguyễn Tuân, Phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội)

Cục Thuế nhận được một số công văn của Hiệp hội vận tải Hải Phòng, Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam về chính sách thuế, hóa đơn. Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về việc lập hóa đơn đối với dịch vụ vận tải

Căn cứ điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ về nội dung trên hóa đơn:

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, điểm a khoản 6, khoản 9, điểm c khoản 14 Điều 10 và bổ sung điểm l vào khoản 14, bổ sung khoản 17 vào Điều 10 như sau:

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 như sau:

“a) Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ

a.1) Tên hàng hóa, dịch vụ: Trên hóa đơn phải thể hiện tên hàng hóa, dịch vụ bằng tiếng Việt. Trường hợp bán hàng hóa có nhiều chủng loại khác nhau thì tên hàng hóa thể hiện chi tiết đến từng chủng loại (ví dụ: Điện thoại Samsung, điện thoại Nokia; mặt hàng ăn, uống; ...). Trường hợp hàng hóa phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu thì trên hóa đơn phải thể hiện các số hiệu, ký hiệu đặc trưng của hàng hóa mà khi đăng ký pháp luật có yêu cầu. Ví dụ: Số khung, số máy của ô tô, mô tô, địa chỉ, cấp nhà, chiều dài, chiều rộng, số tầng của một ngôi nhà... Trường hợp kinh doanh dịch vụ vận tải thì trên hóa đơn phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi - điểm đến). Đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa trên nền tảng số, hoạt động thương mại điện tử thì phải thể hiện tên hàng hóa vận chuyển, thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh người gửi hàng.”

Căn cứ Điều 1 và Điều 8 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về kinh doanh, điều kiện kinh doanh và việc cấp, thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ; cấp, thu hồi phù hiệu; hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ; trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ quốc tế, giấy phép liên vận cho đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện; gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của nước ngoài tại Việt Nam tham gia vận chuyển người, hàng hóa giữa Việt Nam với các nước theo các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 8. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

11. Giấy vận tải bằng văn bản giấy hoặc điện tử do đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa tự phát hành và có các thông tin tối thiểu gồm: tên đơn vị vận tải; biển kiểm soát xe; tên đơn vị hoặc người thuê vận tải; hành trình (điểm đầu, điểm cuối); số hợp đồng, ngày tháng năm ký hợp đồng (nếu có); loại hàng và khối lượng hàng vận chuyển trên xe. Đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa phải thực hiện lưu trữ Giấy vận tải của các chuyến xe đã thực hiện trong thời gian tối thiểu 03 năm.”

Căn cứ quy định nêu trên, theo quy định pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ thì đơn vị kinh doanh vận tải tự phát hành Giấy vận tải và có thông tin tối thiểu gồm: biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đầu – điểm cuối).

Tại điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP về hóa đơn quy định việc lập hóa đơn phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi – điểm đến) phù hợp với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ.

Do đó, đề nghị các doanh nghiệp vận tải nghiên cứu thực hiện các quy định trên.

2. Đối với một số dịch vụ do hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cung cấp

Căn cứ khoản 8 và khoản 10 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ:

8. Sửa đổi tên Điều 11 và sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 51 có mức doanh thu hằng năm từ 01 tỷ đồng trở lên, khoản 2 Điều 90, khoản 3

Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và doanh nghiệp có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, trong đó có bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); ăn uống; nhà hàng; khách sạn; dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí, hoạt động chiếu phim, dịch vụ phục vụ cá nhân khác theo quy định về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và điểm c, điểm g khoản 3 Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Quy định về cấp và kê khai xác định nghĩa vụ thuế khi cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh như sau:

a) Loại hóa đơn cấp theo từng lần phát sinh

a.1) Cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh là hóa đơn bán hàng trong các trường hợp:

a.1.1) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 không đáp ứng điều kiện phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế nhưng cần có hóa đơn để giao cho khách hàng;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2025 sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu trên tại khoản 2 điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế GTGT.

Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên ghi trên hóa đơn mà đến thời điểm ghi nhận chi phí, doanh nghiệp chưa thanh toán thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Trường hợp khi thanh toán doanh nghiệp không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì doanh nghiệp phải kê khai, điều chỉnh giảm chi phí đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh việc thanh toán bằng tiền mặt (kể cả trong trường hợp cơ quan thuế và các cơ quan chức năng đã có quyết định thanh tra, kiểm tra kỳ tính thuế phát sinh khoản chi phí này).

... ”

Căn cứ điểm 2.4 khoản 2 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

“2.4. Chi phí của doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ (không có hóa đơn, được phép lập Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào theo mẫu số 01/TNDN kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC) nhưng không lập Bảng kê kèm theo chứng từ thanh toán cho người bán hàng, cung cấp dịch vụ trong các trường hợp:

- *Mua hàng hóa là nông, lâm, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra;*
- *Mua sản phẩm thủ công làm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, song, mây, rom, vỏ dừa, sọ dừa hoặc nguyên liệu tận dụng từ sản phẩm nông nghiệp của người sản xuất thủ công không kinh doanh trực tiếp bán ra;*
- *Mua đất, đá, cát, sỏi của hộ, cá nhân tự khai thác trực tiếp bán ra;*
- *Mua phế liệu của người trực tiếp thu nhặt;*
- *Mua tài sản, dịch vụ của hộ, cá nhân không kinh doanh trực tiếp bán ra;*
- *Mua hàng hóa, dịch vụ của cá nhân, hộ kinh doanh (không bao gồm các trường hợp nêu trên) có mức doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế GTGT (100 triệu đồng/năm).*

Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực. Doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ được phép lập bảng kê và được tính vào chi phí được trừ. Các khoản chi phí này không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp giá mua hàng hóa, dịch vụ trên bảng kê cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua hàng thì cơ quan thuế căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm mua hàng, dịch vụ cùng loại hoặc tương tự trên thị trường xác định lại mức giá để tính lại chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.”

Căn cứ Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025 quy định về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Căn cứ quy định trên, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện việc lập hóa đơn theo quy định trên; đối với trường hợp chi phí mua hàng hóa, dịch vụ được phép lập Bảng kê thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2.4 khoản 2 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2025 (sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC) của Bộ Tài chính.

Đối với kỳ tính thuế 2025, chi phí được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế được thực hiện theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Về chi phí tiền ăn

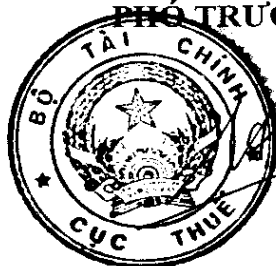
Ngày 12/11/2025, Cục Thuế đã có công văn số 5106/CT-CS trả lời Thuế TP. Hà Nội, Thuế tỉnh Gia Lai (bản phô tô kèm theo), Cục Thuế thông báo để Hiệp hội vận tải Hải Phòng, Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam nghiên cứu và căn cứ tình hình thực tế thực hiện theo quy định.

Cục Thuế có ý kiến để Hiệp hội vận tải Hải Phòng, Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP (để b/c);
- Văn phòng (BTC) (để b/c);
- PCTr. Đặng Ngọc Minh (để b/c)
- Vụ PC, Cục CST;
- Ban PC, NVT (CT);
- Website của Cục Thuế;
- Lưu: VT, CS. 9

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG BAN CHÍNH SÁCH, THUẾ QUỐC TẾ
PHÓ TRƯỞNG BAN



Phạm Thị Minh Hiền



**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5706 /CT- CS
V/v Chính sách thuế TNCN

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2025

Kính gửi:

- Thuế Thành phố Hà Nội;
- Thuế tỉnh Gia Lai.

Cục Thuế nhận được công văn số 20769/HAN-QLDN3 ngày 03/10/2025 và công văn số 17311/HAN-QLDN5 ngày 22/9/2025 của Thuế Thành phố Hà Nội, công văn số 574/GLAI-QLDN1 ngày 07/8/2025 của Thuế tỉnh Gia Lai cùng phản ánh vướng mắc về mức tiền ăn trưa, ăn giữa ca khi xác định thuế TNCN của người nộp thuế. Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

Tại Điều 103 Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 quy định:

“Điều 103. Chế độ nâng lương, nâng bậc, phụ cấp, trợ cấp

Chế độ nâng lương, nâng bậc, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khuyến khích đối với người lao động được thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc quy định của người sử dụng lao động”.

Tại Khoản 1 Điều 33, khoản 9 Điều 34 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước quy định:

“Điều 33. Hiệu lực thi hành

“1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2025. Các chế độ quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2025”

“Điều 34. Tổ chức thực hiện

9. Chế độ ăn giữa ca hoặc ăn định lượng đối với người lao động, Ban điều hành, Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên được thực hiện theo thỏa thuận trong thỏa ước lao động tập thể hoặc nội quy, quy chế của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động”.

Tại Điều 10 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước quy định:

“Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2025. Các chế độ quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

2. Bãi bỏ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước”.

Tại tiết g.5 điểm g Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính quy định:

“g. Không tính vào thu nhập chịu thuế đối với các khoản sau:

g.5) Khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa cho người lao động dưới các hình thức như trực tiếp nấu ăn, mua suất ăn, cấp phiếu ăn.

Trường hợp người sử dụng lao động không tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa mà chỉ tiền cho người lao động thì không tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân nếu mức chi phù hợp với hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp mức chi cao hơn mức hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì phần chi vượt mức phải tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.

Mức chi cụ thể áp dụng đối với doanh nghiệp Nhà nước và các tổ chức, đơn vị thuộc cơ quan hành chính sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể, các Hội không quá mức hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Đối với các doanh nghiệp ngoài Nhà nước và các tổ chức khác, mức chi do thủ trưởng đơn vị thống nhất với chủ tịch công đoàn quyết định nhưng tối đa không vượt quá mức áp dụng đối với doanh nghiệp Nhà nước”.

Ngày 29/9/2025, Bộ Nội vụ có công văn số 1387/CTL&BHXH-TLSXKD gửi Cục Thuế (công văn photo kèm theo). Trong đó có nêu: Theo quy định tại Điều 103 Bộ Luật lao động thì các chế độ khuyến khích đối với người lao động được thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc quy định của người sử dụng lao động. Chế độ ăn giữa ca đối với người lao động, Ban điều hành, Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước từ ngày 01/01/2025 đến 31/7/2025 được thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 34 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước; từ ngày 01/8/2025 được thực hiện theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Cục Thuế thông báo để Thuế Thành phố Hà Nội, Thuế tỉnh Gia Lai được biết và hướng dẫn người nộp thuế thực hiện theo đúng quy định./...m

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- PCTrg Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Cục QLGS CST, Vụ PC-BTC;
- Ban PC – CT;
- Website CT;
- Lưu: VT, CS (2b) *mm*

7

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG BAN BAN CHÍNH SÁCH,
THUẾ QUỐC TẾ
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Tuyết Mai

5931/CS